TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2024/DS-PT
Ngày: 27 - 8 - 2024
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:
1. Bà Giang Thị Cẩm Thúy.
2. Ông Trương Thanh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Anh Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Tú Q**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Tú Q*: Ông **Dương Long H** - Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Số A, đường T, khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. *Bị đơn:* Ông **Đặng Hoàng G**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

4.1. Ông **Hồ Văn Đ**, sinh năm 1977.

4.2. Anh **Hồ Minh Đ1**, sinh năm 2000.

4.3. Chị **Hồ Song H1**, sinh năm 2003.

4.4. Cháu **Hồ Thiên K**, sinh năm 2008.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Hồ Thiên K: Ông **Hồ Văn Đ**, sinh năm 1977 và bà **Nguyễn Tú Q**, sinh năm 1977. Là cha mẹ ruột.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, anh Đ1, chị H1: Bà **Nguyễn Tú Q**, sinh năm 1977 (theo Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2024)(có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

4.5. Bà **Trương Hồng T**, sinh năm 1966.

4.6. Anh **Đặng Vũ H2**, sinh năm 1995.

4.7. Anh **Đặng Đức T1**, sinh năm 1999.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh H2 và anh T1: Ông **Đặng Hoàng G**, sinh năm 1956 (theo Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2024)(có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

4.8. **Ủy ban nhân dân huyện Đ**, tỉnh Bạc Liêu.

Trụ sở: Ấp Gò Cát, xã Điền Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Tuấn K1**, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Tú Q, do người đại diện theo uỷ quyền ông Dương Long H trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp bà nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Đ2 vào năm 2014, chiều ngang 5m, dài hết phần đất tranh chấp. Đến tháng 4 năm 2014, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất trên. Năm 2021, ông G xây dựng mái che phía trước lấn qua nhà bà ngang khoảng 0,5m, dài khoảng 02m nên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Nay, bà yêu cầu ông Đặng Hoàng G tháo dỡ một phần diện tích máy che phía trước căn nhà để trả cho bà phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 2,4m^2 tờ bản đồ số 38 (bản đồ 2006), tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời, bà Q yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đặng Hoàng G cấp bao trùm qua phần đất đang tranh chấp.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà thống nhất kết quả đo đạc thực tế của Toà án nhân dân tỉnh Bạc Liêu diện tích tranh chấp 1,8m^2. Trong diện tích 1,8m^2, có 1,1m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân nào, nên bà rút lại yêu cầu khởi kiện này, bà chỉ yêu cầu ông G trả cho bà 0,7m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Đặng Hoàng G trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là vào năm 2000 ông (G) được Ủy ban nhân dân xã Đ cho mượn để ở (thời điểm này ông G là Đội trưởng Đội thuế xã Đ). Đến năm 2003, Nhà nước có chủ trương hóa giá đất, theo tờ trình (UBND xã xin chủ trương UBND huyện) hóa giá cho ông G diện tích ngang 8,3m dài từ mí lộ đến mí sông K khoảng 22m. Năm 2004, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi đo đạc thực tế diện tích 09m ngang. Đến năm 2006, ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trịnh Kim T2 giáp ranh với thửa đất ông đang ở diện tích ngang 5m, dài 20m. Đến năm 2014, ông cấp đổi 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thành 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích ngang 14m. Cuối năm 2011, bà Nguyễn Tú Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Trần Văn Đ2, sau đó bà Q xây dựng nhà hiện trạng như hiện nay. Bà Q xây nhà sau ông Nguyễn Trung T3, ông T3 xây nhà lệch vị trí, phía sau lấn qua đất ông Nguyễn Văn K2 khoảng 02m, phía trước lệch qua đất bà Q khoảng 0,6m. Khi bà Q xây nhà không trình báo chính quyền địa phương và cũng không thông báo cho ông biết để chứng kiến giáp ranh để xác định cho đúng vị trí đất. Khoảng năm 2004, Nhà nước giao đất cho 09 hộ có thu tiền sử dụng đất (trừ hộ ông Nguyễn Văn K2 do khai phá nên Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất) khi giao đất có đo đạc thực tế, sau đó mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân.

Thực tế hiện trạng hiện nay phía trước giáp lộ, ông Nguyễn Trung T3 lấn bà Q khoảng 0,6m; còn ông K2 lấn qua ông T3 khoảng 0,6m. Riêng phần phía sau ông T3 lấn qua ông K2 khoảng 02m, bà Q lấn qua ông T3 khoảng 02m, nên giữa nhà ông G và bà Q hiện nay còn một đoạn đất trống chiều ngang phía sau khoảng 02m. Thực tế khi đo đạc diện tích chiều ngang của 09 hộ dân được Nhà nước giao đất thời điểm năm 2004 là đúng với diện tích ban đầu mà Nhà nước đã giao cho các hộ dân. Phần đất gia đình ông quản lý sử dụng diện tích ngang 14m nhưng ông xây nhà diện tích ngang 13,8m, không lấn qua đất bà Q nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Phần đất tranh chấp gia đình ông G được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định và sử dụng ổn định từ năm 2000 cho đến nay, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Q. Trường hợp có căn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, ông G đồng ý tháo dở một phần máy che để trả lại phần đất tranh chấp, không đồng ý trả giá trị. Tại phiên toà phúc thẩm, ông G không đồng ý trả 0,7m^2 nằm trong quyền sử dụng đất của bà Q.

Theo văn bản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Tú Q và ông Đặng Hoàng G là đúng với quy định pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, không trình bày ý kiến gì thêm.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tú Q đối với ông Đặng Hoàng G về việc yêu cầu ông Đặng Hoàng G tháo dỡ một phần máy che trả phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 2,4m^2 tờ bản đồ số 38 (bản đồ 2006), tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đặng Hoàng G.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 11/10/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Tú Q kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà về việc buộc ông G trả lại toàn bộ phần đất tranh chấp và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp được cấp cho ông Đặng Hoàng G.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Tú Q vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu theo hướng huỷ một phần bản án và đình chỉ đối với yêu cầu đòi ông G trả diện tích 1,7m^2; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả diện tích 0,7m^2 cho bà Q. Đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Tú Q trong hạn luật định, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.2] Xét phạm vi khởi kiện: Tại cấp sơ thẩm, bà Q yêu cầu ông G trả lại phần đất qua đo đạc thực tế 2,4m^2. Tại phiên toà phúc thẩm, kết quả đo đạc lại xác định diện tích đất tranh chấp chỉ có 1,8m^2 và bà Q thay đổi yêu cầu khởi kiện: Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, rút lại một phần kháng cáo đòi ông G trả diện tích 1,7m^2 và bị đơn ông G đồng ý, yêu cầu ông G giao trả cho bà diện tích đất 0,7m^2, rút lại yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G liên quan đến phần đất tranh chấp. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà vẫn nằm trong diện tích đất mà cấp sơ thẩm đã giải quyết và có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét, huỷ một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ một phần yêu cầu của đương sự đối với diện tích 1,7m^2, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G liên quan đến diện tích đất tranh chấp, theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Tú Q yêu cầu ông Đặng Hoàng G tháo dỡ một phần diện tích máy che phía trước căn nhà để trả cho bà phần đất qua đo đạc thực tế 2,4m^2 tờ bản đồ số 38 (bản đồ 2006), tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Tú Q:

[3.1] Tại cấp sơ thẩm, bà Q yêu cầu ông G trả lại phần đất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ qua đo đạc thực tế có diện tích là 2,4m^2 và cơ quan chuyên môn không xác định được phần đất tranh chấp trên thuộc thửa nào? được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai?. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q.

[3.2] Tại cấp phúc thẩm, bà Q yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ lại phần đất tranh chấp. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (bút lục 294-296); bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh B (bút lục 297) đã phát sinh những tình tiết mới, xác định đất tranh chấp và bà Q yêu cầu ông G giao trả, có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp quốc lộ A - Đ, cạnh dài 0,37m.

- Hướng Tây giáp phần đất còn lại của bà Q, ông G, cạnh dài 0m.

- Hướng Nam giáp phần đất của bà Q (vách nhà), cạnh dài 3,97m.

- Hướng Bắc giáp phần đất của ông G, cạnh dài 3,97m.

Tổng diện tích đất tranh chấp 0,7m^2 (thuộc hành lang quy hoạch lộ giới nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 527232 cấp cho hộ bà Nguyễn Tú Q ngày 19/5/2014 tại thửa 54, tờ bản đồ số 38). Hiện trạng trên đất có một phần mái che tiền chế được bà Q xây dựng năm 2012 và một phần mái che tiền chế được ông G xây dựng năm 2021.

[3.3] Xét về quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Theo Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2024 thể hiện: Diện tích đất tranh chấp 0,7m^2 thuộc hành lang quy hoạch lộ giới thuộc thửa 54, Tờ bản đồ số 38 được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Q ngày 19/5/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông G xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông đúng quy định và ông sử dụng ổn định theo vị trí phần đất được cấp giấy. Tuy nhiên, theo nội dung bản vẽ trên xác định có 0,7m^2 đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Q vào năm 2014, điều đó cho thấy thực tế ông G sử dụng đất không đúng vị trí đất được cấp giấy như ông trình bày và lấn qua phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Q 0,7m^2.

[3.4] Xét về quá trình sử dụng đất: Trên phần đất tranh chấp có một phần mái che của bà Q xây dựng năm 2012, ông G xây dựng mái che sau (năm 2021) nhưng chồng lên phần mái che của bà Q xây dựng trước đó, dẫn đến lấn chiếm diện tích đất nằm trong quyền sử dụng đất của bà Q. Trong quá trình làm việc, ông G xác định trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q thì ông đồng ý tháo dỡ mái che trả lại đất cho bà Q (bút lục 156). Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm thì ông không đồng ý. Như phân tích trên, do có cơ sở xác định ông G lấn 0,7m^2 đất được

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Q, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Q, cần buộc ông G tháo dỡ phần mái che trong diện tích đất 0,7m^2 để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Q là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 174, 579 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích, phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu theo nhận định như trên.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tại cấp sơ thẩm 3.308.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định lại tại cấp phúc thẩm 5.644.521 đồng. Bà Q được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên bà Q và ông G mỗi người phải chịu ½ chi phí tố tụng, tương ứng bà Q phải chịu số tiền 4.476.261 đồng, ông G phải chịu số tiền 4.476.260 đồng. Bà Q đã nộp và chi xong số tiền 8.952.521 đồng, buộc ông G phải hoàn lại cho bà Q số tiền 4.476.260 đồng, theo quy định khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Do bà Q được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên bà Q phải chịu 300.000 đồng. Bà Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001845 ngày 23 tháng 11 năm 2021 (bút lục 29) tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đặng Hoàng G phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Tú Q không phải chịu. Bà Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009590 ngày 11 tháng 10 năm 2023 (bút lục 249) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Tú Q; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 146, 147, 148, 156, 157, 164, 165, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 174, 579 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a, c khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tú Q đối với ông Đặng Hoàng G.

Buộc ông Đặng Hoàng G tháo dỡ phần mái che (tiền chế) nằm trong quyền sử dụng đất của bà Q, để trả lại cho bà Nguyễn Tú Q phần diện tích đất 0,7m^2, thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp quốc lộ A - Đ, cạnh dài 0,37m.

- Hướng Tây giáp phần đất còn lại của bà Q, ông G, cạnh dài 0m.

- Hướng Nam giáp phần đất của bà Q (vách nhà), cạnh dài 3,97m.

- Hướng Bắc giáp phần đất ông G đang sử dụng, cạnh dài 3,97m.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bạc Liêu; bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 05/7/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh B)

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tú Q về việc đòi ông Đặng Hoàng G trả lại phần diện tích đất 1,7m^2, thuộc hành lang quy hoạch lộ giới

nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông G và bà T ngày 07/01/2014.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tú Q về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Đặng Hoàng G liên quan đến phần đất tranh chấp.

4. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Tú Q phải chịu 4.476.261 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm sáu mươi một đồng).

Ông Đặng Hoàng G phải chịu 4.476.260 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm sáu mươi đồng).

Bà Q đã nộp và chi xong số tiền 8.952.521 đồng (Tám triệu chín trăm năm mươi hai ngàn năm trăm hai mươi một đồng), buộc ông Đặng Hoàng G hoàn trả lại cho bà Q 4.476.260 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm sáu mươi đồng).

5. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Bà Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà Q đã dự nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001845 ngày 23 tháng 11 năm 2021, được chuyển thu án phí.

Ông Đặng Hoàng G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Tú Q không phải chịu. Bà Q đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009590 ngày 11/10/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- Viện KSND tỉnh Bạc Liêu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đông Hải;
- VKSND huyện Đông Hải;
- TAND huyện Đông Hải;
- Lưu: HSVA; THCTP.

Lê Phan Công Trí